

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày: 23 – 02 – 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Trung.
2. Ông U Minh Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/TLST - HS ngày 28 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/HSST-QĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức V (Tên gọi khác: C), sinh ngày 22/8/1993, tại tỉnh K; Nơi đăng ký HKTT: Khối 6 thị trấn T, huyện T, tỉnh K; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1967 và bà Võ Thị T, sinh năm 1972; vợ: Phan Thị Hương N, sinh năm 1998; con: 01 con, sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Tạ Văn Ng – Luật sư Văn phòng Luật sư Sài Gòn An Nghiệp, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K; địa chỉ: số 52 B, phường L, thành phố K, tỉnh K (Có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Quang C, sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

+ Anh Phan Mạnh T, sinh năm 1995. (Có mặt).

Trú tại: Thôn T, phường M, thành phố K, tỉnh K.

+ Chị Võ Thị T, sinh năm 1972. (Có mặt).

Trú tại: Khối 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

+ Anh Hồ Khánh H, sinh năm 1990. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện H, tỉnh K.

+ Chị Phan Thị Trà M, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Trú tại: 55 V, khối 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

- *Những người làm chứng:*

+ Chị Phan Thị Hương N, sinh năm 1998. (Có mặt).

Trú tại: Khối 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

+ Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

Trú tại: 75 C, phường Q, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 19 giờ ngày 08/01/2020, tổ công tác Cơ quan CSĐT - Công an huyện T phát hiện đối tượng Nguyễn Đức V có biểu hiện nghi vấn đang đứng gần xe ô tô biển kiểm soát 82A - 02373 hãng taxi L do anh Hồ Khánh H điều khiển đang dừng xe tại ngã tư đường Chu Văn A - Nguyễn Văn C thuộc khối 8, thị trấn T, huyện T; tiến hành kiểm tra phát hiện túi bên trong phía trên bên trái áo khoác V đang mặc có 01 bì ni lông trong suốt chứa chất dạng tinh thể màu trắng, V khai nhận đó là ma túy đá V mua để sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với V. Đồng thời lúc này anh Hồ Khánh H giao nộp 01 hộp hình trụ bằng kim loại được dán kín bằng băng keo và khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 08/01/2020 H nhận được thông báo của tổng đài xe taxi L báo đón khách ở khối 6, thị trấn T, huyện T. Khi đến nơi thì có một người đàn ông đến gửi 01 gói hàng là 01 hộp hình trụ bằng kim loại được dán kín bằng băng keo về thành phố K và đưa số điện thoại người nhận là 0905662345, tiền cước xe người này đã trả là 300.000 đồng. Sau khi nhận hàng và đang trên đường vận chuyển về thành phố K vì nghi ngờ là hàng cấm nên H đã gọi điện lại cho người gửi hàng để hoàn trả. Khi V đến gặp anh H để nhận lại gói hàng thì bị Cơ quan CSĐT- Công an huyện T kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Đức V về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như đã nêu trên.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức V tại nhà bà Võ Thị T – mẹ của V ở khối 6, thị trấn T, huyện T, Cơ quan CSĐT Công an huyện T phát hiện và thu giữ trên nóc tủ quần áo trong phòng ngủ của V 01 gói ni lông trong suốt có chứa chất tinh thể màu trắng và tạp chất.

Theo kết luận giám định số 14/GĐTP-PC09 ngày 15/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K kết luận: “ *Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng (ký hiệu M1 – gói ma túy thu giữ trên người V) được niêm phong trong bì thư ký hiệu số “01” gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,4847 gam, là loại Ketamine; Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng (ký hiệu M2 – gói ma túy thu giữ*

trên nóc tủ quần áo của V) được niêm phong trong bì thư ký hiệu số “02” gửi giám định là ma túy, có khối lượng **0,1175 gam**, là loại **Methamphetamine**; Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng (ký hiệu M3 – gói ma túy do anh H giao cho CQĐT) được niêm phong trong bì thư ký hiệu số “03” gửi giám định là ma túy, có khối lượng **99,5737 gam**, là loại **Methamphetamine**”.

Kết quả điều tra đã xác định: Chiều ngày 06/01/2020, Nguyễn Đức V đang ở nhà tại khối 6, thị trấn T thì có đối tượng tên B (không rõ nhân thân lai lịch) đến và gửi cho V một vật hình trụ bằng kim loại (cao 7cm, đường kính 11,5cm) được dán kín bằng băng keo bên trong có chứa ma túy với khối lượng 99,5737 gam Methamphetamine nhờ cất giấu để B đi Ngọc Hồi. V đồng ý và cầm hộp kim loại này đem giấu ở bụi cây tại sân vận động huyện vì sợ để ở nhà thì dễ bị phát hiện. Trưa ngày 08/01/2020 có Trương Quang C đến nhà V chơi, đến chiều thì Phan Mạnh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 8B1 – 725.89 chở theo Phạm Ngọc B đến gặp C tại nhà của V. Tại đây, T mượn của C 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và để lại xe mô tô này cho C giữ hộ, sau đó T và B bỏ đi. Không thấy B quay lại lấy ma túy và cũng không liên lạc được với B (vì ngày 07/01/2020 khi xảy ra cãi vã với vợ là Phan Thị Hương N, V đã đập vỡ điện thoại của mình) nên khoảng 16 giờ V mượn điện thoại của C (loại cảm ứng) với số điện thoại 0946761257 đi ra ngoài và gọi điện cho B theo số điện thoại 0905662345 hỏi “Sao không đến lấy hàng” thì B bảo gửi ma túy bằng xe taxi xuống thành phố K cho B. V vào nhà trả điện thoại lại cho C và mượn xe mô tô biển kiểm soát 8B1 – 725.89 mà T để lại điều khiển đến sân vận động huyện đến chỗ giấu ma túy lấy và cầm hộp kim loại đem về nhà. Đến khoảng 18 giờ, V mượn lại điện thoại của C và gọi cho tổng đài hãng taxi L để đặt xe, hẹn đón tại quán cà phê N thuộc khối 6 – thị trấn T. Được tổng đài báo đón khách, anh Hồ Khánh H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 8A – 02373 đến địa điểm này gặp V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 7C1 – 166.17 (xe của mẹ V) đến đưa hộp sắt có chứa ma túy cho H để gửi về thành phố K, V đưa số điện thoại của B (0905662345) cho H để liên lạc nhận hàng và đưa 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) trả tiền xe cho anh H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh H trả lại tiền thừa 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). V quay về nhà và sau đó đi mua thuốc lá, trong lúc V đi mua thuốc lá vì nghi ngờ gói hàng là hàng cấm nên anh H gọi lại số điện thoại 0946761257 gặp C để trả lại gói hàng tại trường cấp 3 Nguyễn Văn C. Khi V về nhà, C bảo với V “Hàng của C gửi xe không nhận, họ hẹn trả lại tại trường cấp 3”. V điều khiển xe mô tô đến trường cấp 3 Nguyễn Văn C nhưng không thấy xe taxi nên có nhờ điện thoại của một người đi đường gọi cho C bảo C gửi số điện thoại tài xế taxi, sau khi nhận được tin nhắn có số điện thoại của anh H, V dùng điện thoại của người đi đường gọi cho anh H để nhận hàng thì anh H trả lời “chờ tý tôi đang đi có việc”. V quay về nhà nói với C chưa nhận được hàng, cùng lúc này C nhận điện thoại báo vợ bị ngộ độc nằm ở bệnh viện G nên C bảo với V phải đi có việc. V nói với C cho V mượn điện thoại và xe mô tô, C để lại cho V chiếc điện thoại nhãn hiệu KING REAT có gắn hai sim (0832721779, 0922121234) và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 8B1 – 725.89; V dùng số điện thoại 0832721779 gọi cho anh H hẹn đến ngã tư Chu V – Nguyễn Văn C (gần trường cấp 3 Nguyễn Văn C) để lấy hàng. Khi V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 8B1 – 725.89

đến nơi, dừng và xuống xe đi tới gần xe taxi anh H đợi sẵn thì bị Công an bắt quả tang như đã nêu trên.

Đối với khối lượng ma túy 1,4847 gam Ketamine thu trong áo khoác V đang mặc và 0,1175 gam Methamphetamine thu ở nóc tủ quần áo; V khai nhận số ma túy này V mua của đối tượng tên H (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) trước đó để sử dụng.

Vật chứng, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án:

Cơ quan CSĐT (PC04) – Công an tỉnh K hiện đang tạm giữ 01 phong bì chứa khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định đã được niêm phong; 01 bì ni lông đựng các tang vật khác trong hộp hình trụ đã được niêm phong; 01 điện thoại di động có dòng chữ KING REAT màu xám của C cho V mượn để gọi điện cho tài xế taxi nhận lại ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã qua sử dụng của anh H; 01 xe mô tô biển kiểm soát 8B1 – 725.89 của T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 7C1 – 166.17 của bà T, V sử dụng 02 xe này khi giao nhận ma túy nhưng T và bà T không biết việc này; 01 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*); 01 USB nhãn hiệu APACER đã được niêm phong. Số vật chứng, đồ vật này hiện Cơ quan CSĐT (PC04) - Công an tỉnh K chuyển Cục thi hành án dân sự tỉnh K để xử lý theo quy định pháp luật.

Bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-P1 ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng số: 06/CT-VKS-P1 ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đối với bị cáo Nguyễn Đức V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm i khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V từ **18** (*Mười tám*) tháng tù đến **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và từ **17** (*Mười bảy*) năm tù đến **18** (*Mười tám*) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”. Đồng thời áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức V.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX: Trả lại 01 (*Một*) xe mô tô mang BKS 82B1-725.89, nhãn hiệu Yamaha, loại EXCITER cho anh Phan Mạnh T; 01 (*Một*) xe mô tô mang BKS 77C1-166.17, nhãn hiệu SYM, loại ATTILA cho bà Võ Thị T; 01 (*Một*) điện thoại di động có dòng chữ KING REAT màu xám cho anh Trương Quang C; 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen và 01 (*Một*) tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng cho anh Hồ Khánh H. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, đồng thời chuyển theo hồ sơ vụ án 01 (*Một*) chiếc USB nhãn hiệu APACER đã được niêm phong.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Luật sư Tạ Văn Ng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức V thống nhất với Cáo trạng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và điều kiện hoàn cảnh của bị cáo có khó khăn để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức V nhất trí với luận cứ bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức V tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra được thể hiện qua Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét khẩn cấp, các Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Do nghiện ma túy nên Nguyễn Đức V đã mua ma túy để sử dụng, V đã cất giấu 1,4847 gam Ketamine trong áo khoác đang mặc và 0,1175 gam Methamphetamine ở nóc tủ quần áo do V mua của đối tượng H (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) trước đó để sử dụng nhưng chưa sử dụng hết. Ngoài ra, V biết rõ B gửi cho mình hộp hình trụ bằng kim loại có chứa ma túy bên trong (có khối lượng 99,5737 gam Methamphetamine), vì có mối quan hệ xã hội nên không có thỏa thuận về tiền công vận chuyển ma túy, V nhận lời cất giấu và thuê xe taxi vận chuyển số ma túy này từ huyện Đắk Tô về thành phố Kon Tum cho B. Như

vậy, hành vi cất giấu 1,4847 gam Ketamine và 0,1175 gam Methamphetamine cùng với việc vận chuyển 99,5737 gam Methamphetamine từ huyện Đắk Tô về thành phố Kon Tum cho B của Nguyễn Đức V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 như bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt cho xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác như Trộm cắp, cướp, lừa đảo, ... gây tổn hại cho sức khỏe con người, đồng thời là nguyên nhân lây truyền các căn bệnh xã hội nguy hiểm như HIV/ AIDS, ảnh hưởng đến sự phát triển nòi giống, gây mất trật tự trị an trên địa bàn tỉnh Kon Tum nói riêng và toàn xã hội nói chung. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết, buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Đức V còn quanh co, khai báo không trung thực, không thừa nhận hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, quá trình truy tố và tại phiên tòa, bị cáo V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có ông nội tên Nguyễn Đức B là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

+ Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân bị cáo tốt, phạm tội lần đầu, không vi phạm pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Đức V là người không có thu nhập ổn định, không có việc làm và không có tài sản riêng, toàn bộ số ma túy đã bị tịch thu nên không có cơ sở áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với đối tượng tên B là người nhờ V vận chuyển trái phép chất ma túy và đối tượng tên H là người bán ma túy cho V sử dụng, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp và có căn cứ nên không đề cập xem xét.

[7] Đối với Trương Quang C, Phan Mạnh T, Phạm Ngọc B là những người không biết việc V tàng trữ và vận chuyển trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với C, T và B là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Quá trình điều tra đã xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên cần trả lại:

+ 01 (Một) xe mô tô mang BKS 82B1-725.89, số khung 1010KY113154, số máy G3D4E879589, nhãn hiệu Yamaha, loại EXCITER cho anh Phan Mạnh T; 01 (Một) xe mô tô mang BKS 77C1-166.17, số khung DDGD-009208, số máy VMVUAD-D009208, nhãn hiệu SYM, loại ATTILA cho bà Võ Thị T (là những phương tiện bị cáo V sử dụng khi giao nhận ma túy nhưng anh T và bà T không biết việc này).

+ 01 (Một) điện thoại di động có dòng chữ KING REAT màu xám cho anh Trương Quang C (là phương tiện V mượn của anh C để gọi điện cho tài xế taxi nhận lại ma túy và anh C không biết sự việc này); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, số Imei 355774109562521, trong điện thoại gắn 01 sim có seri 8984048000013973392 cho anh Hồ Khánh H.

- Đối với 01 (Một) tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), số seri WV16686109 (đã được niêm phong) là tiền của anh Hồ Khánh H nộp làm chứng cứ để chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho anh Hồ Khánh H.

- Đối với 01 (Một) chiếc USB nhãn hiệu APACER đã được niêm phong là vật chứng ghi lại quá trình mở niêm phong vật chứng tại Công an huyện Đắk Tô có liên quan đến bị cáo Nguyễn Đức V nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (Một) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG PC09 số 14/KLGD-PC09”, mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có các chữ ký ghi tên của người tham gia niêm phong tại mép dán; 01 (Một) bì ni lông trong suốt, phần miệng của bì ni lông niêm phong bằng một miếng giấy màu trắng rồi dùng ghim bấm toàn bộ phần miệng của bì ni lông và được đóng 04 dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Tô và ký tên của những người tham gia niêm phong là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

(Tất cả theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum).

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm b khoản 3 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức V (Tên gọi khác: C) phạm các tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức V (Tên gọi khác: C) **01** (*Một*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **18** (*Mười tám*) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để tổng hợp hình phạt:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **19** (*Mười chín*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/01/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp:

+ Trả lại 01 (*Một*) xe mô tô mang BKS 82B1-725.89, số khung 1010KY113154, số máy G3D4E879589, nhãn hiệu Yamaha, loại EXCITER cho anh Phan Mạnh T; 01 (*Một*) xe mô tô mang BKS 77C1-166.17, số khung DDCCD-009208, số máy VMVUAD-D009208, nhãn hiệu SYM, loại ATTLA cho bà Võ Thị T.

+ Trả lại 01 (*Một*) điện thoại di động có dòng chữ KING REAT màu xám cho anh Trương Quang C; 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, số Imei 355774109562521, trong điện thoại gắn 01 sim có seri 8984048000013973392 cho anh Hồ Khánh H.

+ Trả lại cho anh Hồ Khánh H 01 (*Một*) tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*), số seri WV16686109 (đã được niêm phong).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (*Một*) phong bì mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH KON TUM PHÒNG PC09 số 14/KLGD-PC09”, mặt sau có các hình dấu tròn ghi nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH KON TUM” và có các chữ ký ghi tên của người tham gia niêm phong tại mép dán.

+ 01 (*Một*) bì ni lông trong suốt, phần miệng của bì ni lông niêm phong bằng một miếng giấy màu trắng rồi dùng ghim bấm toàn bộ phần miệng của bì ni lông và được đóng 04 dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Tô và ký tên của những người tham gia niêm phong.

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (*Một*) chiếc USB nhãn hiệu APACER đã được niêm phong.

(*Tất cả theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21; Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2021), bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh KT;
- Trại tạm giam CA tỉnh KT;
- Bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Minh